

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN K
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 58/2023/HS-ST
Ngày 27-9-2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Nga

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Đặng Thị Đôi

Ông Cao Văn Tân

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Đào Văn P – Thư ký Tòa án nhân dân huyện K, thành phố Hải Phòng

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa:** Bà Đỗ Thanh Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện K, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 48/2023/TLST-HS ngày 07 tháng 9 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 54/2023/QĐXXST-HS ngày 15 tháng 9 năm 2023 đối với bị cáo:

Nguyễn Văn B, sinh ngày 03/11/2004 tại Hải Phòng; nơi cư trú: Thôn H, xã T, huyện K, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: Lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn N1, sinh năm 1980 và bà Phạm Thị N2, sinh năm 1983; chưa có vợ con; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Không có. Bị cáo bị cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 18/7/2023; có mặt.

- **Bị hại:**

1. Anh Nguyễn Thanh T, sinh năm 1987; nơi cư trú: Thôn P, xã Đ, huyện K, thành phố Hải Phòng; có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

2. Anh Nguyễn Đình Thanh P, sinh năm 2006; nơi cư trú: Thôn T1, xã T, huyện K, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

- **Người làm chứng:**

1. Anh Vũ Trọng V; vắng mặt.
2. Chị Nguyễn Thị H; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Khoảng 06 giờ ngày 03/6/2023 Nguyễn Văn B đi bộ từ quán game ở thôn T1, xã T, huyện K đến quán nước của gia đình anh Nguyễn Đình Thanh P ở cùng thôn để mua nước uống. Khi đến nơi B quan sát thấy trong quán không có người, trên đầu giường phía trong quán có 01 chiếc điện thoại di động của anh P, nhãn hiệu Xiaomi Redmi K50G, màu bạc nên B nảy sinh ý định trộm cắp. B đi về phía đầu giường lấy chiếc điện thoại bỏ vào túi quần đùi phía sau, bên phải rồi ra khỏi quán. B quay lại quán game chơi và sử dụng máy tính của quán để nhắn tin cho bạn tên Dung (có tài khoản facebook “Ngô Thùy Dung”) nhờ mượn xe mô tô. Khoảng 10 phút sau Dung đi cùng 01 người mang xe mô tô nhãn hiệu Vision, màu đen, đỏ, không có biển kiểm soát đến đưa cho B. Khoảng 17 giờ 30 phút cùng ngày, B đến quán điện thoại “T Mobile” của anh Nguyễn Thanh T ở thôn P, xã Đ, huyện K để bán chiếc điện thoại di động của B, nhãn hiệu Xiaomi Redmi 9C, màu xanh với giá 500.000 đồng. Khi anh T lấy tiền trả thì B quan sát thấy có 02 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 14 Pro màu trắng để trên mặt tủ kính nên nảy sinh ý định trộm cắp 01 chiếc. Lợi dụng lúc anh T không chú ý, B dùng tờ hóa đơn đặt lên 01 chiếc điện thoại để che, rồi lấy cả chiếc điện thoại và tờ hóa đơn bỏ vào túi quần đùi phía sau, bên phải đang mặc. B lấy tiền và rời khỏi quán. B điều khiển xe mô tô đến quán điện thoại di động “Apple 68” của anh Vũ Trọng V ở thôn X, xã T, huyện K để bán chiếc điện thoại di động Iphone 14 Pro vừa trộm cắp được với giá 14.500.000 đồng. Sau đó, B đi về quán game ở thôn T1, xã T chơi và nhắn tin cho Dung đến để trả xe.

Tại đây B gặp bạn là Nguyễn Quang M, M đồng ý cho B lên phòng mà M thuê tại nhà nghỉ MT ở gần đó để ngủ nhờ. Sáng hôm sau, bà Nguyễn Thị H là chủ nhà nghỉ thấy B giống với đối tượng trộm cắp điện thoại của anh P do bà đã xem được hình ảnh video trích xuất từ camera nhà P trên Facebook. Bà H báo cho người nhà anh P biết. Sau đó, anh P cùng Công an xã T đến nhà nghỉ MT, vào phòng B đang nghỉ để làm việc, B thừa nhận đã trộm cắp tài sản. Trong lúc mọi người không để ý, B nhảy từ tầng 02 xuống sân bên ngoài bỏ chạy. Do bị đau chân B đến bệnh viện Kiến An để điều trị và thông báo gia đình đến.

Công an xã T tiến hành kiểm tra phòng nghỉ của B, phát hiện, thu giữ 01 túi màu đen xanh, bên trong có 01 điện thoại di động của anh P, nhãn hiệu Xiaomi Redmi K50G, màu bạc.

Ngày 05/6/2023 anh Vũ Trọng V giao nộp cho Cơ quan điều tra 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 14 Pro màu trắng; anh Nguyễn Thanh T giao nộp 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Xiaomi Redmi 9C, màu xanh. Ngày

28/6/2023 B đã tác động gia đình giao nộp cho Cơ quan điều tra số tiền 14.500.000 đồng để bồi thường, khắc phục hậu quả cho anh V. Ngoài ra, bị cáo đã tự nguyện bồi thường 500.000 đồng cho anh T.

Tại kết luận định giá tài sản số 12 ngày 04/7/2023 của Hội đồng định giá tài sản huyện K kết luận: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 14 Pro, màu trắng, phiên bản Hàn Quốc, dung lượng bộ nhớ 256 GB, máy đã qua sử dụng, có giá trị là: 20.600.000 đồng. 01 điện thoại di động nhãn hiệu Xiaomi Redmi K50G, màu bạc, phiên bản quốc tế, dung lượng bộ nhớ 8.0 + 5.0 GB, máy đã qua sử dụng, có giá trị là: 3.160.000 đồng. Tổng giá trị tài sản yêu cầu định giá là 23.760.000 đồng.

Vật chứng thu giữ đã được Cơ quan điều tra trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp gồm: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 14Pro, màu trắng, đã trả lại anh Nguyễn Thanh T. 01 điện thoại di động nhãn hiệu Xiaomi Redmi K50G, màu bạc, trả lại cho anh Nguyễn Đình Thanh P. Số tiền 14.500.000 đồng của gia đình B giao nộp, Cơ quan điều tra đã trả lại cho anh Vũ Trọng V.

Còn lại 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Xiaomi Redmi 9C, màu xanh, đã qua sử dụng và 01 túi đeo chéo màu đen, xanh của bị cáo chuyển Chi cục Thi hành án dân sự huyện K để xử lý theo vụ án.

Tại bản Cáo trạng số 53/CT-VKSKT ngày 07/9/2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện K đã truy tố bị cáo về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung cáo trạng đã nêu.

Sau quá trình thẩm vấn, đánh giá tính chất của vụ án cùng các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, đặc điểm nhân thân của bị cáo. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K trình bày lời luận tội giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo về tội danh, điều luật áp dụng như bản cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 65 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt: Nguyễn Văn B mức án từ 15 tháng đến 18 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, nhưng cho hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách từ 30 tháng đến 36 tháng.

- Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

- Về xử lý vật chứng: Căn cứ khoản 1, khoản 2 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; khoản 2, khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự: Tịch thu tiêu hủy 01 túi đeo chéo màu đen, xanh của bị cáo. Trả lại 01 điện thoại di động nhãn hiệu Xiaomi Redmi 9C, màu xanh cho bị cáo nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

- Về trách nhiệm bồi thường thiệt hại: Nay các bị hại không có yêu cầu đề nghị gì đối với bị cáo, nên không xem xét giải quyết.

Sau khi đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố luận tội, bị cáo đồng ý và không có ý kiến tranh luận. Bị cáo nói lời sau cùng tỏ ra ăn năn hối cải và xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện K, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện K, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tội danh và điều luật áp dụng: Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp với vật chứng thu giữ, sơ đồ hiện trường, kết luận định giá tài sản, lời khai của bị hại, người làm chứng và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án thể hiện: Ngày 03/6/2023, trên địa bàn xã T và xã Đ, huyện K; Nguyễn Văn B đã 02 lần thực hiện hành vi lén lút lấy tài sản của người khác, có tổng trị giá là 23.760.000 đồng gồm: 01 điện thoại di động của anh Nguyễn Đình Thanh P, nhãn hiệu Xiaomi Redmi K50G, màu bạc trị giá 3.160.000 đồng và 01 điện thoại di động của anh Nguyễn Thanh T, nhãn hiệu Iphone 14Pro, màu trắng trị giá 20.600.000 đồng. Như vậy, hành vi của Nguyễn Văn B đã thỏa mãn cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự như Viện kiểm sát truy tố là có căn cứ đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Đánh giá tính chất của vụ án là ít nghiêm trọng, hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ; cần xử phạt nghiêm đối với bị cáo.

[4] Về nhân thân: Không có.

[5] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo đã thực hiện hành vi trộm cắp tài sản 02 lần. Mỗi lần trộm cắp, tài sản đều có giá trị trên 2.000.000 đồng; đủ yếu tố cấu thành tội phạm quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự. Do đó, bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “phạm tội 02 lần trở lên” quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

[6] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội; đã tự nguyện bồi thường thiệt hại đầy đủ; các bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; gia đình bị cáo có đơn xin bảo lãnh được chính quyền địa phương xác nhận. Do đó, bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[7] Về hình phạt chính: Sau khi cân nhắc tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân người phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự; Hội đồng xét xử thấy bị cáo phạm tội ít nghiêm trọng, có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, có nơi cư trú rõ ràng. Mặc dù bị cáo có 01 tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, nhưng số tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nhiều hơn số tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự từ 02 tình tiết trở lên, trong đó có 02 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Vì vậy, xét thấy không cần phải bắt bị cáo chấp hành hình phạt tù mà cho được hưởng án treo, là đủ để giáo dục, cải tạo bị cáo và phòng ngừa chung.

[8] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 173 của Bộ luật Hình sự thì người phạm tội còn có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung nhưng xét đến tình hình tài sản của bị cáo là lao động tự do, không có nghề nghiệp và thu nhập kinh tế ổn định, không có tài sản riêng nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[9] Về xử lý vật chứng: Căn cứ khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự: Cần tịch thu tiêu hủy 01 túi đeo chéo màu đen, xanh vì là công cụ để cất giấu tài sản trộm cắp và đã cũ không còn giá trị sử dụng. Căn cứ khoản 2 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự: Cần trả lại cho bị cáo 01 điện thoại di động nhãn hiệu Xiaomi Redmi 9C, màu xanh, đã qua sử dụng vì không có cơ sở xác định dùng vào việc phạm tội; nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

[10] Về trách nhiệm bồi thường thiệt hại: Các bị hại không yêu cầu đề nghị gì. Do vậy, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[11] Trong vụ án này, anh Vũ Trọng V có hành vi mua 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 14Pro, màu trắng của bị cáo, nhưng không biết tài sản do phạm tội mà có nên Cơ quan cảnh sát điều tra không xử lý là đúng pháp luật. Cơ quan điều tra chưa xác định được tên tuổi địa chỉ của người tên Dung đã cho bị cáo mượn xe mô tô nhãn hiệu Vision, màu đỏ đen, không biển kiểm soát. Tuy nhiên bị cáo khai không nói cho Dung biết việc mượn xe mô tô để đi trộm cắp tài sản nên Cơ quan điều tra không có căn cứ xử lý.

[12] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo luật định.

[13] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 65 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn B 15 (mười lăm) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 30 (ba mươi) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Nguyễn Văn B cho Ủy ban nhân dân xã T, huyện K, thành phố Hải Phòng để giám sát giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

“Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì phải thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự như sau:

Người được hưởng án treo có thể vắng mặt tại nơi cư trú nếu có lý do chính đáng và phải xin phép theo quy định tại khoản 2 Điều này, phải thực hiện khai báo tạm vắng theo quy định của pháp luật về cư trú. Thời gian vắng mặt tại nơi cư trú mỗi lần không quá 60 ngày và tổng số thời gian vắng mặt tại nơi cư trú không được vượt quá một phần ba thời gian thử thách, trừ trường hợp bị bệnh phải điều trị tại cơ sở y tế theo chỉ định của bác sỹ và phải có xác nhận điều trị của cơ sở y tế đó.

Người được hưởng án treo khi vắng mặt tại nơi cư trú phải có đơn xin phép và được sự đồng ý của UBND cấp xã, trường hợp không đồng ý thì UBND cấp xã phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. Người được hưởng án treo khi đến nơi cư trú mới phải trình báo với Công an cấp xã nơi mình đến tạm trú, lưu trú; hết thời hạn tạm trú, lưu trú phải có xác nhận của UBND cấp xã hoặc Công an cấp xã nơi tạm trú, lưu trú. Trường hợp người được hưởng án treo vi phạm pháp luật, UBND cấp xã nơi người đó đến tạm trú, lưu trú phải thông báo cho UBND cấp xã được giao giám sát, giáo dục kèm theo tài liệu có liên quan.

Việc giải quyết trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú hoặc nơi làm việc được thực hiện theo quy định tại Điều 68 của Luật này.

Người được hưởng án treo không được xuất cảnh trong thời gian thử thách”.

- Hủy bỏ biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú đối với bị cáo kể từ ngày tuyên án.

- Về xử lý vật chứng: Căn cứ khoản 1, khoản 2 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; khoản 2, khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

Tịch thu tiêu hủy 01 túi đeo chéo màu đen, xanh. Trả lại bị cáo 01 điện thoại di động nhãn hiệu Xiaomi Redmi 9C, màu xanh, đã qua sử dụng; nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án (Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 08/9/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện K).

- Về án phí: Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Bị cáo phải chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

- Về quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị hại có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trong trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND thành phố Hải Phòng;
- VKSND thành phố Hải Phòng;
- VKSND huyện K;
- Công an huyện K;
- Phòng PV06 + PC10 Công an Hải Phòng;
- Chi cục THADS huyện K;
- Sở tư pháp;
- Ủy ban nhân dân xã T;
- Bị cáo; bị hại;
- Lưu: VP, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Ngà